**Tuần 16 Thứ hai ngày 28 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 82: eng - ec (2 tiết)**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhận biết các vần **eng, ec;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **eng, ec.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **eng,** vần **ec.**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Xe rác.*

- Viết đúng các vần **eng, ec,** các tiếng (xà) **beng,** (xe) **téc** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **Tiết 1**  **A. KIỂM TRA BÀI CŨ**  - 2 HS tiếp nối nhau đọc 2 đoạn của bài *Bỏ nghề* (bài 81).  - 1 HS trả lời câu hỏi: Bác thợ săn bỏ đi vì sao? | - HS đọc và trả lơi câu hỏi |
| **B. DẠY BÀI MỚI** |  |
| **1. Giới thiệu bài:** vần **eng,** vần **ec.** | -HS lắng nghe |
| **2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  2.1. Dạy vần **eng**  - HS đọc: **e - ngờ - eng. /** Phân tích vần **eng. /** Đánh vần, đọc: **e - ngờ - eng / eng.**   * HS nói: *xà beng / beng.* / Phân tích tiếng beng. / Đánh vần, đọc trơn: bờ - eng - beng / beng. * Đánh vần, đọc trơn: e - ngờ - eng / bờ - eng - beng / xà beng.   1. Dạy vần **ec** (như vần **eng)**   Đánh vần, đọc trơn: e - cờ - ec / bờ - ec - bec - sắc - béc / béc giê.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **eng, ec,** 2 tiếng mới học: **beng, béc.** | -HS đọc, phân tích  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn |
| 1. **Luyện tập** |  |
| **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **eng?** Tiếng nào có vần **ec?)**  - HS đọc từng từ ngữ. / Tìm tiếng có vần **eng,** vần **ec,** nói kết quả. / Cả lớp: Tiếng **eng** có vần **eng.** Tiếng **éc** có vần **ec,...** Tiếng **xẻng** có vần **eng,...**  **3.2. Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  - Vần **eng:** Viết **e** trước, **ng** sau; chú ý: chữ **g** cao 5 li; nối nét giữa **e** và **n,** viết **n** gần với **g. /** Thực hiện tương tự với vần **ec** (viết **e** gần vói **–** Tiếng **beng:** viết **b** trước, vần **eng** sau. / **téc:** viết **t** trước, **ec** sau, dấu sắc đặt trên **e.**  b) HS viết trên bảng con: **eng, ec** (2 lần). / Viết: (xà)**-beng,** (xe) **téc.** | -HS tìm từ ngữ  - HS lắng nghe  - HS viết vào bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)  - GV chỉ hình, giúp HS nói đúng tên từng loại xe: Xe điện (màu vàng và đỏ, chạy bằng điện) chở người. Xe téc (thùng xe màu xanh nước biển) chở xăng. Xe rác (thùngxe xanh lá mạ) chở rác.  a) GV đọc mẫu.  b) Luyện đọc từ ngữ: **lặng lẽ, ngon giấc, xe téc, cằn nhằn, ngập rác, lo lắng, bon bon, hớn hở, leng keng.** GV giải nghĩa: *cằn nhằn* (lẩm bẩm tỏ ý bực tức).  c) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 9 câu.  - GV chỉ từng câu (liền 2 câu *Xe điện, ... “Bẩn quá! ”.),* HS đọc vỡ.  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn).  d) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 3 đoạn - mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).  e) Tìm hiểu bài đọc  - GV: Bài có 4 ý. Ý 1 và 4 đã được đánh số. cần đánh số TT cho ý 2 và 3.  - GV chỉ từng ý cho HS đọc.  - HS làm bài trên VBT. /1 HS báo cáo kết quả. GV chốt lại đáp án.  - Cả lớp đọc kết quả (đọc 2 trước 3): 1) Xe điện, xe téc chê xe rác bẩn. 3) Xe rác chở rác đi. 2) Một đêm mưa to, phố xá ngập rác. 4) Xe điện, xe téc cảm ơn xe rác. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc Từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc  -HS lắng nghe  -HS làm vào vở bài tập |
| **3/Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau. |  |

**Tuần 16 Thứ hai ngày 28 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 83: iêng - iêc (2 tiết)**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhận biết các vần **iêng, yêng, iêc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **iêng, yêng, iêc.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **iêng,** vần **yêng,** vần **iêc.**

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cô xẻng siêng năng.*

- Viết đúng các vần **iêng, yêng, iêc,** các tiếng **chiêng, yểng, xiếc** (hên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Phiếu khổ to viết nội dung BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐÔNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** | |
| A/**KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS nối tiếp nhau đọc bài *Xe rác* (bài 82). | -HS đọc bài | |
| B/**DẠY BÀI MỚI** |  | |
| 1. **Giới thiệu bài:** các vần **iêng, yêng, iêc.** | -HS lắng nghe | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  | |
| * 1. Dạy vần **iêng** * HD HS đọc: **iê - ngờ - iêng /** Phân tích vần **iêng:** âm **iê +** âm **ng.** Đánh vần, đọc: **iê - ngờ - iêng / iêng.** * Yêu cầu HS nói: *gõ chiêng / chiêng. /*Phân tích tiếng **chiêng. /** Đánh vần, đọc: chờ - iêng - chiêng / chiêng. * Đánh vần, đọc trơn: iê - ngờ - iêng / chờ - iêng - chiêng / gõ chiêng.   1. Dạy vần **yêng** * Đánh vần, đọc trơn: yê - ngờ - yêng / yê - ngờ - yêng - hỏi - yểng / yểng. * GV nhắc lại quy tắc chính tả: *yểng* viết là yê vì trước nó không có âm đầu.   1. Dạy vần **iêc**   Đánh vần, đọc trơn: iê - cờ - iêc / xờ - iêc - xiêc - sắc - xiếc / xiếc.  \* Củng cố:  -Yêu cầu HS nói 3 vần vừa học, 3 tiếng mới học | -HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đọc trơn  -Đánh vần, đọc trơn  -HS lắng nghe  -Đánh vần, đọc trơn  -HS nói:**iêng, yêng, iêc,** 3 tiếng mới học: **chiêng, yểng, xiêc.** | |
| 1. **Luyện tập** |  | |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **iêng?** Tiếng nào có vần **iêc?)** * Yêu cầu HS đọc từng từ dưới hình; tìm tiếng có vần **iêng,** vần **iêc,** báo cáo. * GV chỉ từng từ, cả lớp nói: Tiếng **diệc** có vần **iêc.** Tiếng **riềng** có vần **iêng,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:  * Vần **iêng:** viết **iê** rồi viết **ng;** chú ý: nối nét **i - e - n,** lia bút từ **n** sang viết tiếp **g,** ghi dấu chấm ở chữ i, dấu mũ ở chữ ê. / Hướng dẫn tương tự với **yêng, iêc.** * **chiêng:** viết **ch** rồi đến **iêng. / yểng:** viết **yê, ng,** dấu hỏi đặt trên **ê.** / Làm tươngtự với **xiếc.**   b) HS viết: **iêng, yêng, iêc** (2 lần). / Viết: **chiêng, yểng, xiếc.** | -HS đọc, tìm tiếng và báo cáo kết quả  -HS nói  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu hình ảnh cô xẻng siêng năng dọn dẹp; chị gió làm rác bay tứ tung. Các em cùng nghe đọc bài để biết cô xẻng và chị gió nói chuyện gì. 2. GV đọc mẫu, nhấn giọng các từ gợi tả, gợi cảm: *siêng năng, hăm hở, văng khắp chốn, ủ rũ, nhẹ nhàng, mát mẻ, lem lém.* 3. Luyện đọc từ ngữ: **siêng năng, làm việc, hăm hở, văng, khắp chốn, buồn lắm, nhẹ nhàng, mát mẻ, lem lém, chăm chỉ.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 9 câu. GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu: “Chị chớ buồn... mát mẻ mà”.) cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài. Chia bài làm 3 đoạn (4 câu / 3 câu / 2 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * HD HS đọc từng vế câu. * HD HS làm bài trong VBT. /1 HS nối ghép các vế câu trên bảng lớp. GV chốt đáp án. / Cả lớp đọc: a) Cô xẻng - 2) rất siêng năng. / b) Chị gió - 3) giúp nhà nhà mát mẻ. / c) Chú yểng - 1) khen cô xẻng và chị gió. | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS thi đọc  -HS làm vào vở BT |
| 1. **Củng cố, dặn dò** | |  |

**Tuần 16 Thứ ba ngày 29 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT**: **eng, ec, iêng, yêng, iêc**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

Viết đúng **eng, ec, iêng, yêng, iêc, xà beng, xe téc, chiêng, yểng, xiếc -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | -HS lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** 2. HS đọc: *eng, xà beng, ec, xe téc, iêng, chiêng, yêng, yểng, iêc, xiếc.* 3. Tập viết: *eng, xà beng, ec, xe téc.*  * Yêu cầu HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần *eng, ec,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh trên các tiếng *(xà) beng, (xe) téc.* * HS viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một. GV kiểm tra, giúp đỡ HS.  1. Tập viết: *iêng, chiêng, yêng, yểng, iêc, xiếc* (như mục b). HS hoàn thành phần   *Luyện tập thêm.* | -HS đọc  -HS đọc, nói cách viết :*eng, éc*  -HS lắng nghe  -HS Viết vào vở |
| 3/**Củng cố, dặn dò** :  -GV nhận xét tiết học  -Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết |  |

**Tuần 16 Thứ tư ngày 30 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 83: ong - oc (2 tiết)**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Nhận biết các vần **ong, oc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ong, oc.**

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ong,** vần **oc.**

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Đi học.*

- Viết đúng các vần **ong, oc,** các tiếng **bóng, sóc** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Các thẻ ghi các vế câu ở BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** | |
| **Tiết 1**  **A/KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS đọc bài *Cô xẻng siêng năng* (bài 83). | HS đọc bài | |
| **B**/**DẠY BÀI MỚI** |  | |
| 1. **Giới thiệu bài:** vần **ong,** vần **oc.** | -HS lắng nghe | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **ong**  * HS đọc: **o - ngờ - ong. /** Phân tích vần **ong. /** Đánh vần, đọc: **o - ngờ - ong / ong.** * HS đọc: *bóng.* / Phân tích: Tiếng bóng có vần **bóng. /** Đánh vần, đọc trơn: o - ngờ   - ong / bờ - ong - bong - sắc - bóng / bóng.   * 1. Dạy vần **oc:** Đánh vần, đọc trơn: o - cờ - oc / sờ - oc - soc - sắc - sóc / sóc.   \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ong, oc,** 2 tiếng mới học: **bóng, sóc** | -HS đọc, phân tích  -HS đánh vần ,đọc trơn  -HS nêu | |
| 1. **Luyện tập** |  | |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ong?** Tiếng nào có vần **oc?)** * Giáo viên yêu cầu HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng tù' ngữ. * Tìm tiếng có vần **ong,** vần **oc,** báo cáo. / GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **cóc** có vần **oc.** Tiếng **chong** có vần **ong,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) * GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu * Vần **ong:** viết **o** rồi đến **ng;** chú ý viết **o** và **ng** không gần quá hay xa quá. / Làm tương tự với vần **oc.** * **bóng:** viết **b** rồi đến **ong,** dấu sắc đặt trên **o. /** Làm tương tự với **sóc.**  1. HS viết: **ong, oc** (2 lần). / Viết: **bóng, sóc.**  * GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS nêu  -HS theo dõi  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3)  1. GV chỉ hình minh hoạ bài thơ *Đi học,* giới thiệu hình ảnh sóc, nhím, thỏ ngọc đang học. 2. GV đọc mẫu: nhấn giọng, gây ấn tượng với các từ *lóc cóc, bon bon, rộn rã.* 3. Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **đi học, thỏ ngọc, vó ngựa, va lóc cóc, lăn**   **bon bon, chim chóc, liệng vòng tròn, rộn rã, chờ mong, hứa trong lòng.** Gv giải  nghĩa: *vó ngựa* (bàn chân của ngựa).   1. Luyện đọc câu  * GV: Bài thơ có 12 dòng. GV chỉ 2 dòng thơ một cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng cặp hai dòng thơ (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 3 khổ thơ; thi đọc cả bài thơ.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; mời 1 HS đọc 3 câu văn chưa hoàn chỉnh. * HS đọc thầm, tự hoàn thành từng câu văn. /1 HS báo cáo kết quả. * Cả lớp đọc lại: a) Sóc, nhím và thỏ học lớp **cô sơn ca. /** b) **Bác ngựa** đưa cả ba bạn đi học. / c) Ba bạn hứa học tập **thật chăm chỉ.** | | -HS quan sát  -HS lăng nghe  -HS luyện đọc  -HS đọc vỡ  -HS đọc nối tiếp nhau  -HS đọc  -HS đọc |
| 1. **Củng cố, dặn dò:** | |  |

**Tuần 16 Thứ năm ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 84: ông - ôc (2 tiết)**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ông, ôc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ông, ôc.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ông,** vần **ôc.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Quạ và công.*
* Viết đúng các vần **ông, ôc,** các tiếng (dòng) **sông, gốc** (đa) (trên bảng con).

**II.** **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 4 thẻ từ viết các cụm từ của BT đọc hiểu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **Tiết 1**   1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**:   2 HS đọc bài Tập đọc *Đi học* (bài 84). | -HS đọc |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** |  |
| **1. Giới thiệu bài:** vần **ông,** vần **ôc.** | HS lắng nghe |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Dạy vần **ông** * Yêu cầu HS đọc: **ô - ngờ - ông. /** Phân tích vần **ông. /** Đánh vần, đọc trơn: **ô - ngờ - ông / ông.**   - HS nói: *dòng sông / sông.* / Phân tích tiếng sông. / Đánh vần và đọc: sờ - ông - sông / sông.   * Đánh vần, đọc trơn: ô - ngờ - ông / sờ - ông - sông / dòng sông.   1. Dạy vần **ôc** (như vần **ông)**   Đánh vần, đọc trơn: ô - cờ - ôc / gờ - ôc - gôc - sắc - gốc / gốc đa.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ông, ôc,** 2 tiếng mới học: **sông, gốc.** | -HS đọc, phân tích  -HS nêu  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS nêu |
| 1. **Luyện tập** |  |
| **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ông?** Tiếng nào có vần **ôc?)**   * Yêu cầu HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ. / Tìm tiếng có vần **ông,** vần **ôc,** báo cáo.GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **thông** có vần **ông.** Tiếng **cốc** có vần **ôc,...** | -HS đọc |
| 1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) 2. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ông:** viết **ô** rồi đến **ng (g** cao 5 li); chú ý viết **ô** gần **ng.** / Làm tương tự với vần **ôc.** * Tiểng **sông:** viết **s** rồi đến **ông.** Làm tương tự với **gốc,** dấu sắc đặt trên **ô.**  1. HS viết: **ông, ôc** (2 lần). / Viết: (dòng) **sông, gốc** (đa). | -HS lắng nghe  -HS viêt |
| **Tiết 2** | |
| 1. **Tập đọc** (BT 3) 2. GV giới thiệu hình ảnh quạ và công đang trang điếm cho nhau. 3. GV đọc mẫu. 4. Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **công, trắng muốt, làm đẹp, trang điểm, gật gù, eng éc, sốt ruột, dốc hết, đen như than.** 5. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 11 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (Chỉ liền 2 câu: *Đẹp quá! Giờ đến lượt tớ.ỵ*   - Đọc tiếp nổi từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).   1. Thi đọc đoạn, bài, chia bài làm 3 đoạn (2/4/5 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc  - HS đọc từng vế câu. / HS làm bài, nói kết quả (GV ghi lại kết quả trên bảng).   * Cả lớp đọc: a) Bộ lông của công đẹp - 2) là nhờ quạ trang điểm cho. / b) Bộ lông của quạ đen - 1) là do quạ dốc hết lọ bột đen lên thân.   \* Cả lớp đọc 2 trang của bài 85; đọc 9 vần mới học trong tuần dưới chân trang 152. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS đọc nối tiếp nhau  -HS thi đọc  -HS đọc  -Cả lớp đọc |
| **4/Củng cố, dặn dò** |  |

**Tuần 16 Thứ năm ngày 31 tháng 12 năm 2020**

* **Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT: ong, oc, ông, ôc**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

Viết đúng **ong, oc, ông, ôc, bóng, sóc, dòng sông, gốc đa -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Luyện tập** |  |
| 1. Yêu cầu HS nhìn bảng đọc: *ong, bóng, oc, sóc, ông, dòng sông, ôc, gốc đa.* 2. Tập viết: *ong, bóng, oc, sóc.*  * 1 HS đọc; nói cách viết các vần *ong, oc,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình. Chú ý độ cao các con chữ; cách nối nét, để khoảng cách, đặt dấu sắc trên *o (bóng, sóc).*   *-* Yêu cầu HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   1. Tập viết: *ông, dòng sông, óc, gốc đa* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*   -GV cùng Hs nhận xét, khen ngợi những HS viets đúng, nhanh, đẹp | -HS đọc:*ong, bóng, oc, sóc, ông, dòng sông, ôc, gốc đa.*  -HS thực hiện  -HS viết vào vở |
| 3**.Củng cố, dặn dò**  -GV nhận xét tiết học  -Nhăc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết |  |

**Tuần 16 Thứ năm ngày 31 tháng 12 năm 2020**

* **Tiếng Việt**

**Bài 86: KỂ CHUYỆN****: *CÔ BÉ VÀ CON GẤU***

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẰU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Cô bé nhân hậu chữa chân cho gấu. Gấu đền ơn cô. Câu chuyện là lời khuyên: Cần sống thân thiện, giúp đỡ các loài vật.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / tranh minh hoạ truyện kể phóng to.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** | |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**: GV chỉ 3 tranh đầu minh hoạ truyện *Hàng xóm* (bài 80), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5, 6. | -HS quan theo dõi | |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** |  | |
| **1. Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý) |  | |
| 1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV đưa lên bảng tranh minh hoạ, yêu cầu HS xem tranh, cho biết chuyện có những nhân vật nào (cô bé, con gấu, bố mẹ cô), đoán điều gì xảy ra giữa cô bé và gấu? (Cô bé gặp gấu. Cô chữa chân đau cho gấu,...). | -HS lắng nghe | |
| 1. **Giới thiệu câu chuyện:** Chuyện *Cô bé và con gấu* kể về cuộc gặp kì lạ giữa một cô bé rất nhỏ và một con gấu rất to lớn. Cô bé có gặp nguy hiểm gì không? Điều lạ gì đã xảy ra? | -HS lắng nghe | |
| 1. **Khám phá và luyện tập** |  | |
| **. Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm | * HS lắng nghe | |
| **Cô bé và con gấu**   1. Xưa, có hai vợ chồng người nông dân sống cùng cô con gái nhỏ trong rừng. Một chiều, bố mẹ đi vắng, cô bé tha thẩn chơi ngoài sân. 2. Bồng, cô bé thấy một con gấu to lớn đứng ngay trước mặt. Cô bé sợ chết khiếp. 3. Nhưng rồi cô bé bớt sợ khi thấy gấu hiền lành chìa một bàn chân ra trước, giậm giậm xuống đất. Bàn chân đó đang chảy máu, một cái dằm to cắm giữa bàn chân. 4. Hiểu ý gấu muốn nhờ giúp đỡ, cô chạy vào nhà, lấy kìm, rồi dùng kìm kẹp cái dằm, kéo mạnh ra. Gấu có vẻ hài lòng lắm, nó liếm vết thương rồi lặng lẽ quay về rừng. 5. Buổi tối, khi bố mẹ về, cô bé kể lại câu chuyện khiến bố mẹ cô rất ngạc nhiên. 6. Vài tuần sau, gấu quay trở lại, ôm trong hai chân trước một khúc gồ. Ông bốhoảng sợ, chạy đi tìm súng nhưng cô bé ngăn lại và bảo đó chính là con gấu hôm nọ. Gấu đặt khúc gỗ trước mặt cô bé rồi bỏ đi. Thì ra đó là một khúc gồ chứa đầy mật ong.   Theo *Truyện dân gian Nga* (Hoàng Nguyễn kể) | | |
| **Trả lời câu hỏi theo tranh**   1. Trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Bố mẹ đi vắng, cô bé ở nhà một mình làm gì?* * GV chỉ tranh 2: *Điều gì bất ngờ xảy ra? Thái độ của cô bé lúc đó ra sao?* * GV chỉ tranh 3: *Vì sao sau đó cô bé đỡ sợ?* * GV chỉ tranh 4: *Cô bé đã làm gì để giúp gấu?* * GV chỉ tranh *5: Khi bố mẹ về, nghe cô bé kể lại mọi chuyện, thái độ của họ ra sao?* * GV chỉ tranh 6: *Gấu đã làm gì để tỏ lòng biết ơn cô bé?*  1. Trả lời các câu hỏi ở 2 tranh liền nhau. 2. Trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh. | | -Bố mẹ đi vắng, cô bé tha thẩn chơi ngoài sân  -Một con gấu to lớn bất ngờ xuất hiện. Cô bé sợ chết khiếp  -Cô bé đỡ sợ khi thấy gấu hiền lành chìa một bàn chân ra trước, giậm giậm xuống đất. Bàn chân đó chảy máu, một cái dằm to cắm giữa bàn chân  -Cô bé chạy vào nhà, lấy kìm, dùng kìm kẹp cái dằm, kéo mạnh ra).  -Nghe cô bé kể lại câu chuyện, bố mẹ cô rất ngạc nhiên  -Gấu quay trở lại, ôm một khúc gỗ chứa đầy mật ong tặng cô bé, để tỏ lòng biết ơn  -HS trả lời |
| **Kể chuyện theo tranh**   1. Yêu cầu mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 2. Yêu cầu HS kể chuyện theo tranh bất kì (Trò chơi *Ô cửa sổ).* 3. Một HS chỉ 6 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.   (Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể).  \* GV cất tranh, mời 1 HS kể chuyện, không cần sự hỗ trợ của tranh. (YC dành cho HS giỏi). | | -HS kể  -HS kể |
| **.****Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**   * GV: Em nhận xét gì về cô bé? * GV: Em nhận xét gì về gấu? * GV: Cô bé nhân hậu chữa chân đau cho gấu. Gấu tỏ lòng biết ơn cô. Câu chuyện nói về tình cảm tốt đẹp giữa con người và con vật. Câu chuyện cũng là lời khuyên các em cần có thái độ thân thiện, giúp đỡ các con vật khi chúng không gây nguy hiểm và cần đến sự giúp đỡ của các em. | | -Cô bé nhân hậu, tốt bụng, sẵn lòng giúp gấu  -Gấu thông minh, bị dằm đâm vào chân, biết tìm con người để nhờ người giúp đỡ, biết trả ơn con người. / Gấu là một con vật nhưng có lòng biết ơn như con người). |
| **2** **Củng cố, dặn dò:** GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Ông lão và sếu nhỏ.* | |  |

**Tuần 16 Thứ năm ngày 31 tháng 12 năm 2020**

* **Tiếng Việt**

**Bài 87: ÔN TẬP**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Con yểng.*
* Nghe viết 1 câu văn đúng chính tả / không mắc quá 1 lỗi.
* Biết chọn dấu câu (dấu chấm, dấu chấm hỏi) hợp với chỗ trống.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ viết 2 câu văn thiếu dấu kết thúc câu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | -HS lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **BT 1** (Tập đọc)  1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về con yểng biết nói của bạn Long. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **yểng, Long, đẹp lắm, đen biếc, sọc vàng, khiến, đến bên lồng, cất tiếng.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 9 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: *Long muốn yểng hót: “Long à! ”...* * Đọc tiếp nối từng câu, hoặc liền 2 câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (3 câu / 6 câu); thi đọc cả bài.   g) Điền dấu chấm, dấu chấm hỏi kết thúc câu   * GV nêu YC. / HS đọc từng ý a, b; làm bài trong VBT; nói kết quả. GV giúp HS điền dấu kết thúc câu trên bảng. * Cả lớp đọc lại 2 câu văn đã hoàn chỉnh:  1. *Ông tặng Long một con yểng rất đẹp. -* Cuối câu đặt **dấu chấm.** 2. *Long muốn con yểng làm gì? -* Cuối câu đặt **dấu chấm hỏi** | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS đọc nối tiếp câu  -HS thi đọc  -HS làm vào vở BT  -HS đọc |
| * 1. **BT 2** (Nghe viết) * GV viết lên bảng câu văn cần nghe viết. * Yêu cầu 1 - 2 HS đọc câu văn. Cả lớp đọc lại. GV nhắc HS chú ý những từ các em dễ viết sai *(lôngyểng, biếc).* * HS gấp SGK. GV đọc 4 tiếng một *(Lông yểng đen biếc, /cổ có sọc vàng.)* hoặc 2 tiếng một *(Lông yểng /đen biếc, /cổ có /sọc vàng.)* cho HS viết vào vở / VBT. HS viết xong *Lông yểng đen biếc,* (tô chữ đầu câu đã viết hoa), GV đọc tiếp: *cổ có sọc vàng.* (Đọc mỗi cụm từ không quá 3 lần). * HS viết xong, nghe GV đọc lại câu văn để sửa lỗi. * HS đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. * GV chữa bài, nhận xét chung. | -HS đọc  -HS viết vào vở  -HS sửa lỗi |
| **3/Củng cố, dặn dò** |  |



**Tuần 17 Thứ hai ngày 4 tháng 1 năm 2021**

* **Tiếng Việt**

**Bài 88: ung – uc** (2 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ung, uc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ung, uc.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ung,** có vần **uc.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Hai con ngựa* (1).
* Viết đúng các vần **ung, uc,** các tiếng **sung, cúc** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / hình ảnh.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**   - HS tiếp nối nhau đọc bài *Con yểng* (bài 87). | -HS đọc |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **ung,** vần **uc.** | -HS lắng nghe |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Dạy vần **ung:** * **HS** đọc: **u - ngờ - ung. /** Phân tích vần **ung. /** Đánh vần và đọc tron: **u - ngờ - ung / ung.** * HS nói: *sung.* /Phân tích tiếng sung. / Đánh vần, đọc: sờ - ung - sung / sung. * Đánh vần, đọc tron: u - ngờ - ung / sờ - ung - sung / sung.   1. Dạy vần **uc** (như vần **ung):** Đánh vần, đọc trơn: u - cờ - uc / cờ - uc - cuc - sắc - cúc / cúc.   \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ung, uc,** 2 tiếng mới học: **sung, cúc.** | -HS đọc, phân tích  -HS đánh vần đọc  -HS đánh vần  -HS trả lời |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ung?** Tiếng nào có vần **uc?)** * HS đọc từng từ dưới hình; tìm tiếng có vần **ung,** vần **uc,** báo cáo. * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **thùng** (rác) có vần **ung,...** Tiếng (cá) **nục** có vần **uc,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ung:** viết **u** rồi đến **ng** (chữ **g** 5 li). / vần **uc:** viết **u** rồi đến **c.** Chú ý nối nét giữa **u** và **ng;** viết **u** và **c** gần nhau. * **sung:** viết **s** rồi đến **ung. /** Hướng dẫn tương tự với chữ ghi tiếng **cúc,** dấu sắc đặt trên u.  1. HS viết: **ung, uc** (2 lần). / Viết: **sung, cúc.** | - HS đọc  -HS trả lời  -HS theo dõi  -HS viết |
| **Tiết 2** | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3)  1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu hình ảnh hai con ngựa: ngựa màu đen và ngựa màu tía đang trò chuyện. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **ngựa tía, biếng nhác, làm lụng, vất vả, thắc mắc, hùng hục, giục, trốn, lẩm bẩm, có lí lắm.** Giải nghĩa: *lẩm bẩm* (nói nhỏ, giọng đều đều). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu, đọc liền 2 câu cuối (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC của BT: Ghép hình (ngựa ô / ngựa tía) với chữ. * GV chỉ từng từ ngữ, HS đọc: a) chăm chỉ, b) biếng nhác, c)..., d)... * GV chỉ vào ý a. / HS: *Ngựa ô chăm chỉ.* * HS làm bài trên VBT. /1 HS báo cáo kết quả. * GV chỉ từng ý, cả lớp đồng thanh: a) *Ngựa ô chăm chỉ,* b) *Ngựa tía* biếng nhác,  1. *Ngựa tía* thắc mắc: “Chị vất vả làm gì?”, d) *Ngựa ô* nghe ngựa tía. | -HS lắng nghe  -HS luện đọc từ ngữ  -HS đọc vỡ  -HS đọc nối tiếp  -HS làm BT vào vở  -HS đồng thanh |
| 3/**Củng cố, dặn dò** |  |

**Tuần 17 Thứ hai ngày 4 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt**

**Bài 89: ưng - ưc**

( 2 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ưng, ưc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ưng, ưc.**
* Nhìn chữ, tìm đúng từ ngữ có vần **ưng,** vần **ưc** ứng với mỗi hình.
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Hai con ngựa* (2).
* Viết đúng các vần **ưng, ưc,** các tiếng **lưng,** (cá) **mực** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 6 thẻ từ ngữ ghi nội dung BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| A**/ KIỂM TRA BÀI CŨ**:  2 HS tiếp nối nhau đọc bài *Hai con ngựa* (1). | -HS đọc bài |
| **B/DẠY BÀI MỚI**  **Giới thiệu bài:** vần **ưng,** vần **ưc.** |  |
| **1/Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |  |
| * 1. Dạy vần **ưng** * Yêu cầu HS đọc: **ư - ngờ - ưng. /** Phân tích vần **ưng. /** Đánh vần, đọc: **ư - ngờ - ưng / ưng.** * Yêu cầu HS nói: *lưng.* Phân tích tiếng **lưng. /** Đánh vần, đọc trơn (cá nhân, cả lớp): lờ - ung - lưng / lưng. * Đánh vần, đọc trơn: ư - ngờ - ưng / lờ - ưng - lưng / lưng.   1. Dạy vần **ưc** (như vần **ưng)**   Đánh vần, đọc trơn: ư - cờ - ưc / mờ - ưc - mưc - nặng - mực / cá mực.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ưng, ưc,** 2 tiếng mới học: **lưng, mực.** | -HS đọc, phân tích , đánh vần  -HS đọc  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS phân tích , đánh vần  -HS trả lời |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình) * Yêu cầu HS đọc từng từ, làm BT, báo cáo kết quả. * GV giúp HS nối từ ngữ với hình trên bảng lớp. /GV chỉ từng hình, cả lớp đọc: | -HS thực hiện  -1) chim ưng, 2) trứng, 3) gừng,... |
| * 1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ưng:** viết **ư** rồi viết **ng;** chú ý nối nét giữa **ư** và **ng.** / Làm tương tự với vần **ưc.** * **lưng:** viết **1** (cao 5 li) rồi đến vần **ưng. /** Viết chữ **mực:** dấu nặng đặt dưới **ư.**  1. HS viết: **ưng, ưc** (2 lần). / Viết: **lưng,** (cá) **mực.** | -HS lắng nghe  -HS viết |
| **Tiết 2** | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3)   a) GV giới thiệu hình ảnh hai con ngựa (ngựa ô và ngựa tía) trong phần 2 của câu chuyện *Hai con ngựa'.* Ông chủ đặt đồ trên lưng ngựa tía. Ngựa tía vùng vằng bị ông chủquát.   1. GV đọc mẫu. 2. Luyện đọc từ ngữ: **hửng sáng, chất đồ đạc, lưng ngựa, hí ầm ĩ, vùng vằng, bực, chở nặng, ấm ức lắm, đã muộn.** Giải nghĩa: *vùng vằng* (điệu bộ tỏ ra giận dỗi, không bằng lòng). 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 8 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). GV nhắc HS nghỉ hơi đúng ở câu: *Bác nông dân nghĩ là nó mệt, / bèn chất tất cả hàng / sang lưng ngựa tía.*  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (4 câu / 4 câu); thi đọc cả bài (theo cặp / tổ). Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc từng từ ngữ ở hai cột. * 1 HS làm mẫu: a) Ngựa ô - 3) hí ầm ĩ, không muốn chở hàng. * HS làm bài, nói kết quả. GV giúp HS ghép các cụm từ trên bảng. * Cả lớp nói lại kết quả: a) Ngựa ô - 3) hí ầm ĩ, không muốn chở hàng, b) Bác nông dân -1) chất hết hàng lên lưng ngựa tía. c) Ngựa tía - 2) rất ẩm ức nhung đã muộn. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc  -HS đọc nối tiếp  -HS đọc thi  -HS thực hiện  -HS báo cáo kết quả |
| 1. **Củng cố, dặn dò** |  |

**Tuần 17 Thứ ba ngày 5 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**TẬP VIẾT SAU BÀI 88, 89**

A. **Mục tiêu**:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Tô đúng, viết đúng các vần: ung, uc, ưng, ưc các từ: sung, cúc, lưng, cá mực chữ viết thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, đặt đúng vị trí, đưa bút theo đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu trong vở Luyện viết 1, tập một.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

- Rèn HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu , mẫu chữ.

- HS: SGK, vở luyện viết 1, tập một.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Kết hợp trong giờ.  **III. Dạy bài mới*:***  *1. Giới thiệu:*  - GV nêu mục tiêu tiết học  *2. Luyện tập*  a,GV giới thiệu : ung, uc, sung, cúc, ưng, ưc, lưng, cá mực.  b,Tập tô, tập viết: ung, uc, sung, cúc.  -GV vừa viết mẫu lại từng tiếng vừa hướng dẫn cách viết:  + Vần ung: viết o trước, viết ng sau.  + Từ sung: Viết âm s trước, viết vần ung sau.  +Vần uc: viết u trước, viết c sau.  + Từ cúc: Viết âm c trước, vần uc sau, dấu sắc đặt trên chữ u.  -GV y,c HS thực hành viết.  -GV hướng dẫn, giúp đỡ HS kết hợp nhận xét đánh giá.  c, Tập viết: , ưng, ưc, lưng, cá mực.  -GV y/c HS đọc các chữ cần viết.  -GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  +Vần ưng: Viết ư trước, viết ng sau.  +Từ lưng: Viết âm l trước, viết âm ưng sau.  +Vần ưc: Viết ư trước, viết c sau.  +Từ cá mực: Viết âm c trước, viết âm a sau, dấu sắc đặt trên chữ a./ Viết âm m trước viết vần ưc sau, dấu nặng đặt dưới chữ ư.  -GV y/c HS viết bài.  -GV quan sát, giúp đỡ HS, đánh giá, tuyên dương các em viết đẹp.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học. | Hát  -HS nhìn bảng,đọc  -HS đọc: ung, uc, sung, cúc.  -HS nói độ cao, cách viết các con chữ.  -HS quan sát, lắng nghe.  - HS thực hiện viết ( 2 lần)  -1 Hs đọc bài.  -HS nói độ cao, cách viết các con chữ.  -HS quan sát lắng nghe.  - HS thực hiện viết ( 2 lần)  - Nghe thực hiện |

**Tuần 17 Thứ tư ngày 6 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**Bài 90: uông, uôc.**

A. **Mục tiêu**:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần uông, uôc; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần: uông, uôc.

- Làm đúng BT xếp hoa vào hai nhóm: tiếng có vần uông, tiếng có vần uôc.

- Đọc đúng bài Tập đọc: Con công lẩn thẩn.

- Viết đúng các vần: uông, uôc tiếng chuông, đuốc.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

\* GDHS: tình yêu thiên nhiên, khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu hoặc tranh ảnh. Bảng cài, bộ thẻ chữ.

- HS: SGK, bảng con, vở luyện viết

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - GV y/c HS đọc bài Hai con ngựa (2)  -GV nhận xét đánh giá.  **III. Dạy bài mới*:***  **TIẾT 1**  *1. Giới thiệu bài:*  - Hôm nay các em cùng học vần mới: uông, uôc  *2. Chia sẻ và khám phá: (BT1)*  a, Dạy vần ung  -Chia sẻ: GV chỉ từng chữ uô, ng  -Khám phá: GV đưa ra hình ảnh cái chuông và hỏi:  +Đây cái gì?  -Phân tích: Tiếng chuông có âm ch đầu, vần uông sau.  -GV giới thiệu mô hình vần uông  -GV giới thiệu mô hình tiếng chuông.  b, Dạy vần uôc:  -Chia sẻ: GV chỉ từng chữ uô-c  -Khám phá: GV đưa ra hình ảnh ngọn đuốc và hỏi:  +Đây là gì?  -Phân tích: Tiếng đuốc có âm đầu đ vần uôc, dấu sắc đặt trên chữ ô.  -GV giới thiệu mô hình vần uôc  -GV giới thiệu mô hình tiếng đuốc.  \*Củng cố: các em vừa học vần mới và tiếng mới là gì?  -GV chỉ mô hình từng vần, tiếng.  *3- Luyện tập:*  a, Mở rộng vốn từ: (BT2)  -GV nêu yêu cầu của bài tập: Xếp hoa vào hai nhóm.  -GV y/c HS đọc từ ngữ và quan sát tranh minh họa.  -GV y/c HS nối trong VBT  -GV y/c HS báo cáo  -GV nhận xét, chốt đáp án.  -Gv chỉ từng từ.  -Ngoài những tiếng có vần uông, uôc có trong SGK, các em hãy tìm những từ có vần uông, uôc ngoài sách.  -GV tuyên dương.  b, Tập viết: (Bảng con-BT4)  -GV hướng dẫn HS cách lấy bảng con và dùng bảng.  \*GV viết bảng: uông, uôc, chuông, đuốc.  -GV viết mẫu từng chữ và tiếng trên bảng vừa hướng dẫn quy trình.  + Vần uông: viết uô trước, viết ng sau.  +Vần uôc: viết uô trước, viết c sau.  +Chuông: Viết âm đầu ch, viết vần uông.  +Đuốc: Viết âm đầu đ trước, viết vần uôc sau, dấu sắc đặt trên chữ ô.  -GV y/c HS thực hiện bảng con.  -GV nhận xét, tuyên dương.  **TIẾT 2**  c, Tập đọc: (BT3)  \*Giới thiệu bài:  -GV chỉ hình ảnh minh họa bài đọc :Công đang sà xuống hồ nước. Phía xa, từ bờ bên kia có chú chim cuốc đang nhìn công. Vì sao công lại sà xuống hồ? Vì sao công bị gọi là “ lẩn thẩn”  \*GV đọc mẫu.  \*Luyện đọc từ ngữ: lẩn thẩn, trần gian, ưỡn ngực, sà xuống, biến mất, ngụp lặn, ướt nhẹp, run cầm cập, chim cuốc, gật gù.  +Lẩn thẩn: ngớ ngẩn.  \*Luyện đọc câu:  -GV : Bài thơ có mấy câu?  -Gv chỉ từng câu (2 câu ngắn)  -GV y/c HS đọc tiếp nối.  \*Thi đọc đoạn (2 đoạn)/ bài.  -Gv y/c các nhóm luyện đọc.  -Gv nhận xét tuyên dương.  \*Tìm hiểu bài đọc:  - GV nêu y/c  -Gv chỉ từ ngữ.  -Gv nhận xét, chốt đáp án.  -GV: Vì sao công bị gọi là “lẩn thẩn”? Vì sao chim cuốc chê công “đẹp mà chảng khôn”?  -GV y/c cả lớp đọc lại bài đã học.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị tiết sau | Hát  -2/3 HS đọc  - Nhận xét  -HS lắng nghe.  -1 HS đọc: uô-ngờ-uông/uông.  -Cả lớp đọc: uông  -HS quan sát  + Cái chuông.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: uô-ngờ-uông/uông.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp:chờ-uông-chuông/ chuông.  -1 HS đọc: uô-cờ-uôc/uôc.  -Cả lớp:uôc  -HS quan sát  + Ngọn đuốc.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: uô-cờ-uôc/ôc.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: đờ-uôc-đuôc-sắc-đuốc/ đuốc.  -HS: vần uông, uôc và tiếng chuông, đuốc.  -Cả lớp đánh vần, đọc trơn.  -HS đọc từng từ ngữ, quan sát tranh.  -HS thực hiện làm bài tập trong VBT  - HS báo cáo.  - HS đọc đồng thanh: Tiếng xuồng có vần uông. Tiếng guốc có vần uôc….  -HS thi nhau tìm.  -HS lấy bảng con.  -Đọc đồng thanh.  -HS lắng nghe, quan sát  -HS thực hiện viết bảng con 2-3 lần.  -HS giơ bảng.  -HS quan sát tranh, lắng nghe.  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc.  -HS: 9 câu.  -HS/ cả lớp đọc.  -HS đọc tiếp nối cá nhân/ cặp.  -HS luyện đọc theo cặp/nhóm  -Vài nhóm đọc thi.  -Nhận xét nhóm bạn.  -1 HS đọc cả bài.  -Cả lớp đọc đồng thanh.  -Hs đọc từng vế câu.  -HS làm bài vào VBT  -1 HS báo cáo.  +Ý a: Sai  +Ý b: Đúng  -HS đọc: Con công trong hồ là bóng của con công trên bờ.  -Vì công ngu ngốc không nhận ra con chim trong hồ chính là cái bóng của mình.  -HS đọc đồng thanh |

**Tuần 17 Thứ năm ngày 7 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**Bài 90: ương, ươc.**

A. **Mục tiêu**:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Nhận biết các vần ương, ươc; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có các vần: ương, ươc.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần ương, vần ươc.

- Đọc đúng bài Tập đọc: Lừa, thỏ và cọp (1).

- Viết đúng các vần: ương, ươc tiếng gương, thước.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

\* GDHS: tình yêu thiên nhiên, khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu hoặc tranh ảnh. Bảng cài, bộ thẻ chữ.

- HS: SGK, bảng con, vở luyện viết

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - GV y/c HS đọc bài Con công lẩn thẩn.  -GV nhận xét đánh giá.  **III. Dạy bài mới*:***  **TIẾT 1**  *1. Giới thiệu bài:*  - Hôm nay các em cùng học vần mới: ương, ươc.  *2. Chia sẻ và khám phá: (BT1)*  a, Dạy vần ương  -Chia sẻ: GV chỉ từng chữ ư, ng  -Khám phá: GV đưa ra hình ảnh cái gương và hỏi:  +Đây là cái gì?  -Phân tích: Tiếng gương có âm g đầu, vần ương sau.  -GV giới thiệu mô hình vần ương  -GV giới thiệu mô hình tiếng gương.  b, Dạy vần ươc:  -Chia sẻ: GV chỉ từng chữ ươ-c  -Khám phá: GV đưa ra hình ảnh cái thước và hỏi:  +Đây là cái gì?  -Phân tích: Tiếng thước có âm đầu th vần ươc, dấu sắc đặt trên chữ ơ.  -GV giới thiệu mô hình vần ươc  -GV giới thiệu mô hình tiếng thước.  \*Củng cố: các em vừa học vần mới và tiếng mới là gì?  -GV chỉ mô hình từng vần, tiếng.  *3- Luyện tập:*  a, Mở rộng vốn từ: (BT2)  -GV nêu yêu cầu của bài tập: Tiếng nào có vần ương? Tiếng nào có vần ước?  -GV y/c HS đọc từ ngữ và quan sát tranh minh họa.  -GV y/c HS nối trong VBT  -GV y/c HS báo cáo  -GV nhận xét, chốt đáp án.  -Gv chỉ từng từ.  -Ngoài những tiếng có vần ưng, ưc có trong SGK, các em hãy tìm những từ có vần ưng, ưc ngoài sách.  -GV tuyên dương.  b, Tập viết: (Bảng con-BT4)  -GV hướng dẫn HS cách lấy bảng con và dùng bảng.  \*GV viết bảng: ương, ươc, gương, thước.  -GV viết mẫu từng chữ và tiếng trên bảng vừa hướng dẫn quy trình.  + Vần ương: viết ươ trước, viết ng sau.  +Vần ươc: viết ươ trước, viết c sau.  +Gương: Viết âm đầu g, viết vần ương sau.  +Thước: Viết âm th trước, âm ươc sau, dấu sắc đặt trên chữ ơ.  -GV y/c HS thực hiện bảng con.  -GV nhận xét, tuyên dương.  **TIẾT 2**  c, Tập đọc: (BT3)  \*Giới thiệu bài:  -GV chỉ hình ảnh minh họa bài đọc :Lừa vẻ mặt buồn rầu đang kể lể gì đó với thỏ. Hãy xem chuyện gì đã xảy ra nhé.  \*GV đọc mẫu.  \*Luyện đọc từ ngữ: được việc, muốn thử, trí khôn, trên đường, thương.  +Được việc: có khả năng làm nhanh, làm tốt những công việc được giao.  \*Luyện đọc câu:  -GV : Bài thơ có mấy câu?  -Gv chỉ từng câu (2 câu ngắn)  -GV y/c HS đọc tiếp nối.  \*Thi đọc đoạn (2 đoạn)/ bài.  -Gv y/c các nhóm luyện đọc.  -Gv nhận xét tuyên dương.  \*Tìm hiểu bài đọc:  BT a  - GV nêu y/c: Nói tiếp  -Gv chỉ từ ngữ.  -Gv nhận xét, chốt đáp án.  BT b  -Gv y/c HS nêu bài tập.  -Gv nhắc HS cần lịch sự, ân cần khi chào hỏi.  -Gv nhận xét, tuyên dương  -GV y/c cả lớp đọc lại bài đã học.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị tiết sau | Hát  -2/3 HS đọc  - Nhận xét  -HS lắng nghe.  -1 HS đọc: ươ-ngờ-ương/ương.  -Cả lớp đọc: ương  -HS quan sát  + Cái gương.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: ươ-ngờ-ương/ương.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp:gờ-ương-gương/ gương.  -1 HS đọc: ươ-cờ-ươc/ươc.  -Cả lớp:ươc  -HS quan sát  + Cái thước.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: ươ-cờ-ươc/ươc.  -HS thực hiện đánh vần, đọc trơn theo hình thức cá nhân/ tổ/ cả lớp: thờ-ươc-thươc-sắc-thước/ thước  -HS: vần ương, ươc và tiếng gương, thước.  -Cả lớp đánh vần, đọc trơn.  -HS đọc từng từ ngữ, quan sát tranh.  -HS thực hiện làm bài tập trong VBT  - HS báo cáo.  - HS đọc đồng thanh: Tiếng lược có vần ươc, tiếng giường có vần ương….  -HS thi nhau tìm.  -HS lấy bảng con.  -Đọc đồng thanh.  -HS lắng nghe, quan sát  -HS thực hiện viết bảng con 2-3 lần.  -HS giơ bảng.  -HS quan sát tranh, lắng nghe.  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc.  -HS: 6 câu.  -HS/ cả lớp đọc.  -HS đọc tiếp nối cá nhân/ cặp.  -HS luyện đọc theo cặp/nhóm  -Vài nhóm đọc thi.  -Nhận xét nhóm bạn.  -1 HS đọc cả bài.  -Cả lớp đọc đồng thanh.  -1 HS đọc câu.  -HS làm bài vào VBT  -1 HS báo cáo.  Ý 1: Ông chủ nhờ lừa đi bắt về một con cọp.  Ý 2: Thỏ thương lừa, hứa sẽ giúp lừa.  -HS đọc lại các câu đúng.  -HS đọc đồng thanh  - Nói lời thỏ chào và hỏi thăm khi gặp lừa.  -HS tiếp nối nhau nói lời chào hỏi.  +Lừa ơi, bạn đi đâu đấy? Sao trông cậu buồn vậy, mình giúp gì được không?........  -Cả lớp đọc đồng thanh. |

**Tuần 17 Thứ năm ngày 7 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**TẬP VIẾT SAU BÀI 90, 91**

A. **Mục tiêu**:

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

- Tô đúng, viết đúng các vần: uông, uôc, ương, ươc các từ: chuông, đuốc, gương, thước chữ viết thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, đặt đúng vị trí, đưa bút theo đúng quy trình viết, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu trong vở Luyện viết 1, tập một.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

- Rèn HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mĩ khi viết chữ

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu , mẫu chữ.

- HS: SGK, vở luyện viết 1, tập một.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Kết hợp trong giờ.  **III. Dạy bài mới*:***  *1. Giới thiệu:*  - GV nêu mục tiêu tiết học  *2. Luyện tập*  a,GV giới thiệu : uông, uôc, chuông, đuốc, ương, ươc, gương, thước  b,Tập tô, tập viết: uông, uôc, chuông, đuốc,  -GV vừa viết mẫu lại từng tiếng vừa hướng dẫn cách viết:  + Vần uông: viết uô trước, viết ng sau.  + Từ gương: Viết âm g trước, viết vần uông sau.  +Vần uôc: viết uô trước, viết c sau.  + Từ đuốc: Viết âm đ trước, vần uôc sau, dấu sắc đặt trên chữ ô.  -GV y,c HS thực hành viết.  -GV hướng dẫn, giúp đỡ HS kết hợp nhận xét đánh giá.  c, Tập viết: ương, ươc, gương, thước.  -GV y/c HS đọc các chữ cần viết.  -GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  +Vần ương: Viết ươ trước, viết ng sau.  +Từ gương: Viết âm g trước, viết âm ương sau.  +Vần ươc: Viết ươ trước, viết c sau.  +Từ thước: viết âm th trước, viết vần ươc sau, dấu sắc đặt trên chữ ơ.  -GV y/c HS viết bài.  -GV quan sát, giúp đỡ HS, đánh giá, tuyên dương các em viết đẹp.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài**.**  -Nhận xét tiết học. | Hát  -HS nhìn bảng,đọc  -HS đọc: uông, uôc, chuông, đuốc,  -HS nói độ cao, cách viết các con chữ.  -HS quan sát, lắng nghe.  - HS thực hiện viết (2 lần)  -1 Hs đọc bài.  -HS nói độ cao, cách viết các con chữ.  -HS quan sát lắng nghe.  - HS thực hiện viết ( 2 lần)  - Nghe thực hiện |

**Tuần 17 Thứ sáu ngày 8 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**BÀI 92: KỂ CHUYỆN: CÔ BÉ VÀ CON GẤU.**

A. **Mục tiêu**:

**1.Phát triển năng lực đặc thù.**

**1.1 Phát triển năng lực ngôn ngữ.**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

-Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.

-Nhìn tranh, tự kể lại từng đoạn câu chuyện.

**1.2 Phát triển năng lực văn học.**

\* Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Ông lão nhân hậu giúp sếu nhỏ đã nhận được sự đền ơn của gia đình sếu. Cần yêu thương và bảo vệ loài vật.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

- Rèn kĩ năng lắng nghe và trả lời câu hỏi tự tin.

-Biết vận dụng lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu, tranh minh họa.

- HS: SGK

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - GV chỉ tranh 1, 2 của câu chuyện Cô bé và con gấu - y/c HS kể.  -Bạn nào nêu cho có ý nghĩa câu chuyện?  -GV nhận xét đánh giá.  **III. Dạy bài mới*:***  *1.Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện:*  *a, Quan sát tranh và phỏng đoán:*  -Câu chuyện có mấy nhân vật?  -Gv: Chuyện gì xảy ra giữa những nhân vật này?  *b, Giới thiệu chuyện:*  Câu chuyện kể về tình cảm yêu thương, giúp đỡ loài vật của một ông lão.  *2, Khám phá và luyện tập:*  *a, Nghe kể chuyện:*  -GV kể từng đoạn chuyện với giọng diễn cảm:  + Lần 1: Kể tự nhiên không chỉ tranh.  +Lần 2: Vừa kể vừ chỉ tranh thật chậm.  + Lần 3: Kể như lần 2, mời HS nhắc lại.  *b,Trả lời câu hỏi theo tranh:*  \* Trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh:  -GV hỏi HS, 1-2 HS 1 tranh:  +Tranh 1: Điều gì xảy ra khi ông lão đi vào rừng?  +Tranh 2: Khi thấy ông lão, mấy con sếu như thế nào?  +Tranh 3: Ông lão làm gì để giúp sếu nhỏ? Sếu bố, sếu mẹ làm gì?  +Tranh 4: Khi viết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão làm gì?  +Tranh 5: Gia đình sếu đã làm gì để cảm ơn ông lão?  +Tranh 6: Ông lão ước điều gì? Điều gì đã xảy ra?  \* Trả lời các câu hỏi ở 2 tranh liền nhau:  -GV hỏi HS nội dung 2 tranh liền nhau.  \*Trả lời các câu hỏi ở 6 tranh .  -GV hỏi HS nội dung 6 tranh.  *c, Kể chuyện theo tranh:*  -GV tổ chức cho HS kể chuyện theo tranh.  -GV cất tranh y/c HS kể toàn bộ câu chuyện.  -Gv nhận xét, đánh giá và tuyên dương.  *d, Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện:*  -GV : Em nhận xét gì về ông lão?  -GV kết luận  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.** | -Hát  -HS nêu  -HS nhận xét bạn.  -HS : 4 nhân vật.  -HS trả lời theo ý nghĩ.  -HS lắng nghe, quan sát tranh.  - HS lần lượt trả lời:  + Một sáng mùa hè, khi ông lão đi vào rừng thì nghe thấy tiếng sếu “ kíu cà, kíu cà” ầm ĩ  + Khi thấy ông lão, hai con sếu lớn sợ hãi bay vụt lên để lại sếu con nằm bẹp ở đám cỏ. thì ra sếu con bị gãy cánh.  + Ông lão ôm sếu nhỏ về nhà băng bó, chăm sóc. Ngày ngày, sếu bố, sếu mẹ bay đến nhà ông, kêu “ kíu cà”, vẻ lo lắng.  + Khi vết thương của sếu nhỏ đã lành, ông lão mang nó ra sân, thả cho sếu nhỏ tung cánh cùng bố mẹ bay về phương nam.  +Để cảm ơn ông lão, một sáng mùa xuân, gia đình sếu bay về, thả xuống sân nhà ông lão một chiếc túi nhỏ đựng điều ước kì diệu.  +Ông lão ước cho rừng cây, đồng ruộng xanh tươi, sông ngòi đầy tôm cá. Ông lão vừa dứt lời, điều ước đã biến thành sự thật. Từ đấy, ông và dân làng sống ấm no, hạnh phúc.  -HS trả lời gộp nội dung 2 tranh.  -HS trả lời liền mạch.  -HS kể nội dung 2-3 tranh liền kề.  -HS kể chuyện tranh bất kì mà mình thích.  -HS kể lại toàn bộ câu chuyện.  -HS nhận xét phần kể của bạn.  -Hs: Cô bé là người nhân hậu, tốt bụng, sẵn lòng giúp đỡ sếu nhỏ.. |

**Tuần 17 Thứ sáu ngày 8 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**BÀI 93: ÔN TẬP**

**A.Mục tiêu:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

-Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc: Lừa, thỏ và cọp (2)

-Chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ nhỡ).

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

-Khơi gợi tình yêu thiên nhiên.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu, tranh minh họa.

- HS: SGK, bộ thẻ chữ.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Kết hợp trong giờ.  **III. Dạy bài mới*:***  *1.Giới thiệu bài:*  *2.Luyện tập.*  a,BT1 ( Tập đọc)  -Gv chỉ hình minh họa và giới thiệu: Chú thỏ láu lỉnh đứng giữa cọp và lừa, đang buộc chân cọp. Cọp nằm cho thỏ buộc chân, vẻ mặt hớn hở. Chắc nó nghĩ sắp có được mồi ngon là con lừa. Các em hãy đọc tiếp phần 2 của câu chuyện này để biết thỏ thông minh đã nghĩ ra cách gì để giúp chú lừa.  \*Gv đọc mẫu :  \*Luyện đọc từ ngữ:  -GV chỉ các từ được gạch chân.  +Tha về: đem về, mang về, kéo về.  +Vờ vịt: giả vờ để che dấu một điều gì đó.  \*Luyện đọc câu:  -GV: Bài đọc có mấy câu?  -Gv chỉ từng câu.  -Y/c HS đọc nối tiếp câu .  -Gv tổ chức cho HS thi đoạn theo đoạn/ cả bài.  -GV nhận xét, tuyên dương.  \* Tìm hiểu bài đọc:  -Gv chỉ từng ý:  -GV y/c HS báo cáo:  b, BT 2  -Gv viết bảng câu văn cần chép.  -Gv nhận xét, đánh giá.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học. | Hát  -HS quan sát và lắng nghe  -HS lắng nghe.  -HS đọc( cá nhân/cả lớp): thầm thì, bên đường, buộc chân, đồng ý luôn, vờ vịt, vô cùng sửng sốt, phục lăn.  -HS đếm: 9 câu.  -1HS/ cả lớp đọc đồng thanh.  -HS thực hiện đọc tiếp nối cá nhân/ từng cặp.  -HS luyện đọc đoạn theo tổ/ nhóm  -Các nhóm thi nhau đọc.  -Nhận xét nhóm bạn  -1HS đọc cả bài.  -Cả lớp đọc đồng thanh.  -HS đọc từng ý.  -HS làm bài trong VBT.  -HS giơ thẻ:  +Ý a: Đúng  +Ý b: Sai  -Cả lớp đọc: Thỏ buộc bốn chân cọp. Lừa tha cọp về.  -HS đọc câu văn.  -Cả lớp đọc lại.  -Cả lớp viết bài.  -Đổi chéo vở nhận xét bài bạn.  - Nghe thực hiện |

**Tuần 18 Thứ hai ngày 11 tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I**

**A.Mục tiêu:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

-Làm đúng bài tập: Nối vần (trên mỗi toa tàu) với từn mặt hàng.

-Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc: Chú bé trên cung trăng

-Nhớ quy tắc chính tả *ng/ ngh*, làm đúng bài tập điền *ng/ ngh*

-Chép 1 câu văn đúng kiểu chữ, cỡ chữ, đúng chính tả.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

-Biết vận dụng lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu, tranh minh họa.

- HS: SGK, bộ thẻ chữ.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Kết hợp trong giờ.  **III. Dạy bài mới*:***  *1.Giới thiệu bài:*  *2.Luyện tập.*  **Tiết 1**  a, BT 1 (Mỗi toa tàu chở gì?) :  -GV đưa lên bảng nội dung bài tập 1.  -GV chỉ từng vần ghi trên các toa  -GV chỉ từng mặt hàng.  -GV làm mẫu.  -GV nhận xét, chốt đáp án.  b,BT2 (Tập đọc)  -Gv chỉ hình minh họa và giới thiệu : Chú bé trên cung trắng chính là chú Cuội ngồi gốc cây đa. Những đêm trăng sáng, nhìn lên mặt trăng các em thường thấy bóng chú Cuội trên đó. Các em cùng ghe bài để biết vì sao chú Cuội lên cung trăng, ở đó chú cảm thấy như thế nào?  \*Gv đọc mẫu :  \*Luyện đọc từ ngữ:  -GV chỉ các từ được gạch chân.  +Cuốn: kéo theo và mang đi nhanh, mạnh.  **TIẾT 2**  \*Luyện đọc câu:  -GV: Bài đọc có mấy câu?  -Gv chỉ từng câu.  -Y/c HS đọc nối tiếp câu .  -GV HD HS đọc nối tiếp: Một cơn gió đã cuốn chú/ cùng gốc da và nghé/ lên cung trăng.  -GV nhận xét, đánh giá.  -Thi đọc tiếp nối 2 đoạn.  \* Thi đọc cả bài.  -Gv tổ chức thi đọc  -Gv kết hợp nhận xét đánh giá.  \* Tìm hiểu bài đọc:  -GV: Bài đọc giúp em hiểu điều gì?  c, BT 3 (Em chọn chữ nào: ng hay ngh?)  -GV: Bài này giúp các em ghi nhớ, củng cố quy tắc chính tả ng/ ngh.  -GV chỉ bảng quy tắc chính tả ng/ngh  -GV y/c HS làm bài.  -GV chốt đáp án.  d, BT 4 (Tập chép)  -GV giới thiệu câu văn. Nêu y/c.  -GV quan sát, sửa sai.  -GV nhận xét, đánh giá.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.** | Hát  -HS đọc: uôc, ương, uôt, ươp, ưng.  -HS đọc: thuốc, dưa chuột, đường…  -HS đọc kết quả: Toa 1 (vần uôc) chở thuốc.  -Cả lớp nhắc lại kết quả.  -HS làm bài trong VBT.  -1 HS báo cáo kết quả.  +Toa 2: đường  +Toa 3: dưa chuột  +Toa 4: mướp  +Toa 5: trứng.  -Cả lớp đọc lại kết quả.  -HS quan sát và lắng nghe  -HS lắng nghe.  -HS đọc (cá nhân/cả lớp): cung trăng, bóng đen mờ, mặt trăng, nghé, xưa kia, trần gian, cuốn, buồn.  -HS đếm: 8 câu.  -1HS/ cả lớp đọc đồng thanh.  -HS thực hiện đọc tiếp nối cá nhân/ từng cặp.  -HS đọc.  -HS nhận xét bạn.  -Các cặp, tổ thi nhau đọc đoạn .  -1HS đọc cả bài.  -Cả lớp đọc đồng thanh.  -HS : Các em biết được vì sao chú Cuội lên ở trên cung trăng.  -HS lắng nghe.  - Cả lớp đọc lại để ghi nhớ:  Ngh + e, ê, i/ gh+ a, o, ô, ơ……  -HS làm bài vào VBT  -HS làm bảng.  -Cả lớp đọc: 1- nghé, 2- nghe, 3- ngỗng.  -1 HS nghe, đọc to câu văn .  -HS đọc thầm câu văn, chú ý những từ các em dễ sai.  -HS viết bài  -Đổi chéo vở, nhận xét |

**Tuần 18 Thứ ngày tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**ÔN TẬP ĐỌC THÀNH TIẾNG (6 TIẾT)**

**A.Mục tiêu:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

-Đọc đúng các đoạn trong bài tập đọc: Nằm mơ, Hứa và làm.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

-Biết vận dụng lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu, tranh minh họa.

- HS: SGK, bộ thẻ chữ.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Kết hợp trong giờ.  **III. Dạy bài mới*:***  *1.Giới thiệu bài:*  *2.Luyện tập.*  -GV đọc mẫu.  -GV chia đoạn :  + Một trí khôn hơn trăm trí khôn: 5 đoạ  -Gv làm thăm ghi số của các đoạn.  -Gv nhận xét, tuyên dương.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học. | Hát  -HS lắng nghe.  -HS quan sát.  -HS đọc thầm cả 2 bài.  -HS bốc thăm, lần lượt lên đọc trước lớp.  - Nghe thực hiện |

**Tuần 18 Thứ ngày tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU, VIẾT.**

**A.Mục tiêu:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

-Đọc đúng, hiểu và làm đúng các BT nối ghép, đọc hiểu.

-Nhớ quy tắc chính tả c/ k, làm dúng BT điền chữ c hoặc k.

-Chép đúng câu văn.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

-Biết vận dụng lời khuyên của câu chuyện vào đời sống.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: Máy chiếu, tranh minh họa.

- HS: SGK, bộ thẻ chữ.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Kết hợp trong giờ.  **III. Dạy bài mới*:***  *1.Giới thiệu bài:*  *2.Luyện tập.*  **TIẾT 1**  a,BT 1 (Nối từ ngữ với hình)  -GV nêu y/c BT.  -GV chỉ từng chữ.  -GV y/c HS làm bài vào VBT  -Gv nhận xét chốt đáp án  b, BT 2 (Đọc thầm và lựa chọn ý đúng)  -GV chỉ từng câu.  \*Chọn ý đúng:  -Gv chỉ từng vế câu.  -Gv nhận xét chốt đáp án.  **TIẾT 2**  a,BT 1 (điền c hay k)  -Gv nêu yêu cầu.  -Gv chỉ từng tranh  -Gv y/c Hs nêu lại quy tắc chính tả c/ k  -Gv nhận xét chốt đáp án.  b,BT 2  -GV giới thiệu câu văn. Nêu y/c.  -GV quan sát, sửa sai.  -GV nhận xét, đánh giá.  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học. | Hát  -HS lắng nghe.  -HS đọc.  -HS làm bài vào VBT  -1 HS báo cáo:  1-Bếp lửa  2-Gương  3-Bông sen  4-Quả mướp  5-Tập võ  6-Thiên nga.  -HS đọc thầm.  - Các cặp/ cá nhân luyện đọc nối tiếp câu.  -1 HS đọc cả bài  -Cả lớp đọc đồng thanh cả bài.  - 1 Hs đọc  -HS làm vào VBT  - 1 HS báo cáo:a- Đúng; b- Sai.  -HS đọc cả câu đúng.  -HS lắng nghe  -HS nêu tên từng vật trong tranh.  -HS nêu: k+ i, e, ê/ c+ a, o, ô, ơ…..  -1 HS báo cáo: kiến, kìm, công.  -HS đọc lại đáp án.  -1 HS nghe, đọc to câu văn .  -HS đọc thầm câu văn, chú ý những từ các em dễ sai.  -HS viết bài  -Đổi chéo vở, nhận xét  - Nghe thực hiện |

**Tuần 18 Thứ ngày tháng 1 năm 2021**

**Tiếng Việt:**

**KIỂM TRA ĐỌC HIỂU, VIẾT**

**A.Mục tiêu:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù- năng lực ngôn ngữ**

-Thực hiện các bài tập đúng, đủ thời gian.

**2.Góp phần phát triển các năng lực chúng và phẩm chất.**

-Biết sử dụng thời gian làm bài thi hợp lí.

B. **Đồ dùng dạy học**:

- GV: đề thi

- HS: dụng cụ học tập.

C. **Các hoạt động dạy – học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **I.Tổ chức:**  **II. Kiểm tra:**  - Dụng cụ học tập  **III. Dạy bài mới*:***  *1.Giới thiệu bài:*  Hôm nay các em sẽ làm bài kiểm tra đầu tiên.  *2.Kiểm tra:*  -GV phát đề kiểm tra  -GV giải đáp thắc mắc cho HS  -Gv thu bài  **IV. Củng cố- Dặn dò:**  - Gv tổng kết bài **.**  -Nhận xét tiết học. | Hát  -HS nhận đề.  -HS làm bài.  - Nghe thực hiện |